

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2022
“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cẩm Hà

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1994, bà và ông Nguyễn Văn H tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường hay

đánh bà, dù đã cho nhiều cơ hội nhưng ông H không thay đổi. Thời gian gần đây ông H ghen tuông vô cớ, xúc phạm, có lần còn hăm dọa giết bà. Bà và các con đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả, bà và ông H không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung. Do đó, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 27/11/1997 (đã thành niên, tự lao động sinh sống) và Nguyễn Thúy D, sinh ngày 07/5/2007, hiện bà đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng sống chung với bà. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thúy D, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống, ông bà đôi khi cũng có cãi nhau, đôi lúc nóng giận ông cũng có đánh bà L nhưng không trầm trọng đến mức như bà L trình bày. Nguyện vọng của ông là muốn tiếp tục chung sống với bà L, trường hợp bà L cương quyết không muốn sống chung cùng nhau thì tùy Tòa án xem xét.

Về con chung: Trường hợp Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng thì ông đồng ý để con chung Nguyễn Thúy D cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thúy D, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà và ông H tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Còn bị đơn ông H cho rằng trường hợp bà L cương quyết không muốn sống chung cùng nhau thì yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định; ông đồng ý để Nguyễn Thúy D cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung thì ông và bà L tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà L và ông H là vợ chồng, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân, bà L và ông H tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Bà L và ông H thống nhất xác định trong quá trình chung sống ông bà có nhiều mâu thuẫn, cũng hay cãi nhau. Bà L cho rằng ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường hay đánh bà, ông H ghen tuông vô cớ, xúc phạm, có lần còn hăm dọa giết bà. Bà và các con đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả; còn ông H cho rằng đôi lúc nóng giận có đánh bà L nhưng không trầm trọng đến mức như bà L trình bày, nguyện vọng của ông là muốn tiếp tục chung sống với bà L, trường hợp bà L cương quyết không muốn sống chung cùng nhau thì yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau bà L và ông H có nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, có khi còn đánh nhau, Ban lãnh đạo ấp K đã hòa giải để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay bà L đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với ông H, bà vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng. Xét thấy, bà L và ông H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

[3] Về con chung, bà L và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 27/11/1997 (đã thành niên, tự lao động sinh sống) và Nguyễn Thúy D, sinh ngày 07/5/2007, hiện bà L đang nuôi dưỡng, con có nguyện vọng sống chung với bà L. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà L có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của ông bà về việc bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Thúy D. Ông H có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp bà L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà L và ông H đều khai tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí, nguyên đơn bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 07/5/2007 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông H có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp bà L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H đều khai tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005051 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh